

Số: /TTr-UBND

Gia Lai, ngày tháng năm 2026

TỜ TRÌNH

Dự thảo Nghị quyết quy định về chế độ, chính sách đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao tỉnh Gia Lai

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết Quy định về chế độ, chính sách đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao tỉnh Gia Lai, cụ thể như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/4/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025;

Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, từ ngày 01/7/2025, tỉnh Gia Lai và Bình Định được sáp nhập thành tỉnh Gia Lai.

Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 87/2025/QH15;

Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 26/2018/QH14;

Nghị định số 349/2025/NĐ-CP quy định chế độ, chính sách đối với các thành viên đội thể thao tham gia tập trung tập huấn, thi đấu;

Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 12/2025/TT-BTC).

2. Cơ sở thực tiễn

Thể thao thành tích cao của tỉnh hiện nay được phân bổ chỉ tiêu với 58 huấn luyện viên, 492 vận động viên tập trung ở 03 đơn vị: Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu thể thao tỉnh Gia Lai (33HLV, 315VĐV), Trung tâm Võ thuật cổ truyền Bình Định (13HLV, 87VĐV) và Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu thể thao Pleiku (12HLV, 90VĐV). Về chế độ, chính sách sau khi sáp nhập tỉnh, các huấn luyện viên, vận động viên thể thao thành tích cao của tỉnh tạm thời thực hiện theo các Nghị quyết quy định đối với thể thao thành tích cao tỉnh Bình Định (*Nghị quyết số 36/2021/NQ-HĐND ngày 11/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao thành tích cao trên địa bàn tỉnh, Nghị quyết số 20/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số chính sách đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao tỉnh đạt thành tích xuất sắc tại các giải thể thao trong nước và quốc tế, Nghị quyết số 19/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định chế độ dinh dưỡng, tiền công huấn luyện, tập luyện thường xuyên và chế độ tiền thưởng đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao tỉnh*).

Việc áp dụng nghị quyết trên là cơ sở pháp lý tạm thời để triển khai thực hiện chế độ, chính sách cho huấn luyện viên, vận động viên thi đấu lập thành tích tại các giải thể thao cấp quốc gia và quốc tế sau khi hai tỉnh Gia Lai và Bình Định sáp nhập. Tuy nhiên, trong quá trình triển khai thực hiện vẫn còn một số nội dung chưa thật sự phù hợp với yêu cầu phát triển thể thao thành tích cao trong từng giai đoạn, trong thực tế còn bộc lộ những hạn chế, bất cập.

Ngày 30/12/2025, Chính phủ ban hành Nghị định số 349/2025/NĐ-CP quy định chế độ, chính sách đối với các thành viên đội thể thao tham gia tập trung tập huấn, thi đấu. Các quy định chế độ chính sách mới không chỉ nâng mạnh mức lương, tiền thưởng, nghị định mới còn thể hiện sự thay đổi căn bản trong tư duy quản lý, đặt con người, từ vận động viên, huấn luyện viên đến đội ngũ chuyên gia, cán bộ thể thao, bác sỹ, y tế ở vị trí trung tâm của hệ thống thể thao thành tích cao.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO VĂN BẢN

1. Mục đích ban hành văn bản: Nhằm tiếp tục hoàn thiện và thống nhất về cơ chế, chính sách đối với huấn luyện viên, vận động viên và đội ngũ chuyên gia, y tế, cán bộ thể thao trên địa bàn tỉnh, khắc phục những hạn chế, tồn tại; tạo điều kiện tích cực để thể thao tỉnh Gia Lai ngày càng phát triển hơn nữa.

2. Quan điểm xây dựng dự thảo văn bản

Xây dựng chế độ chính sách tổng hợp, thống nhất cho huấn luyện viên, vận động viên thể thao thành tích cao của tỉnh áp dụng theo Nghị định số 349/2025/NĐ-CP ngày 30/12/2025 của Chính phủ thay thế cho các Nghị quyết

hiện đang áp dụng (Nghị quyết số 36/2021/NQ-HĐND ngày 11/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao thành tích cao trên địa bàn tỉnh, Nghị quyết số 20/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số chính sách đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao tỉnh đạt thành tích xuất sắc tại các giải thể thao trong nước và quốc tế, Nghị quyết số 19/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định chế độ dinh dưỡng, tiền công huấn luyện, tập luyện thường xuyên và chế độ tiền thưởng đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao tỉnh) là phù hợp với xu thế, tạo cơ sở để chuyển từ tư duy đầu tư ngắn hạn, chạy theo thành tích trước mắt sang đầu tư có chiều sâu, lấy VĐV làm trung tâm của cả quá trình đào tạo và phát triển; khắc phục những tồn tại, hỗ trợ một phần thu nhập chính đáng đối với huấn luyện viên, vận động viên thực sự có thành tích xuất sắc, giảm bớt sự khó khăn trong cuộc sống; qua đó động viên, khuyến khích huấn luyện viên, vận động viên thể thao tích cực huấn luyện, tập luyện, thi đấu, cống hiến hết mình để giành thành tích cao nhất, mang lại vinh quang cho tỉnh Gia Lai trên đấu trường thể thao quốc gia và vinh quang cho thể thao Việt Nam trên đấu trường quốc tế.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO VĂN BẢN

Ngày 19/01/2026, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có Tờ trình số 19/TTr-SVHTTDL về việc đề xuất xây dựng Nghị quyết quy định về chế độ, chính sách đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao tỉnh Gia Lai tham gia tập trung tập huấn và thi đấu (trên cơ sở Nghị định số 349/2025/NĐ-CP ngày 30/12/2025 của Chính phủ và ý kiến của Sở Tư pháp tại văn bản số 107/STP-NV1 ngày 14/01/2026). UBND tỉnh đã thống nhất chủ trương tại văn bản số 921/UBND-KGVX ngày 21/01/2026 về việc thống nhất chủ trương xây dựng Nghị quyết quy định về chế độ, chính sách đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao tỉnh Gia Lai;

UBND tỉnh có Tờ trình số 191/TTr-UBND ngày 11/02/2026 về ban hành Danh mục Nghị quyết của HĐND tỉnh Gia Lai quy định các nội dung được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên.

HĐND tỉnh đã có Nghị quyết số 26/NQ-TTHĐND ngày 18/3/2026 về việc quyết định danh mục Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định các nội dung được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên. Trong đó có nội dung Nghị quyết quy định chế độ, chính sách đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao tỉnh Gia Lai (Dự kiến trình HĐND tỉnh trong Quý II/2026).

UBND tỉnh đã có văn bản số 3227/UBND-NC ngày 20/3/2026 Về việc xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh theo nội dung đã được Thường trực HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 26/NQ-TTHĐND ngày 18/3/2026.

Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã có văn bản gửi các Sở, ngành liên quan về việc giới thiệu nhân sự tham gia Tổ soạn thảo Nghị quyết lĩnh vực Văn hóa, Thể thao và du lịch và thành lập Tổ soạn thảo xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, tiến hành xây dựng dự thảo Nghị quyết. Ngày 30/3/2026, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có văn bản số 1218/ SVHTTDL-VP gửi dự thảo Nghị quyết để lấy ý kiến của các sở, ngành, UBND các xã, phường, đăng tải toàn văn trên Cổng thông tin điện tử của đề các cơ quan, tổ chức, cá nhân góp ý kiến

Căn cứ các ý kiến góp ý, cơ quan soạn thảo đã tiếp thu hoàn thiện dự thảo Nghị quyết, gửi Sở Tư pháp thẩm định, hoàn chỉnh hồ sơ trình UBND tỉnh lấy ý kiến thành viên UBND tỉnh về nội dung và biểu quyết thông qua trước khi trình HĐND tỉnh theo quy định.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN

1.1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

Phạm vi điều chỉnh: Quy định này quy định chế độ, chính sách đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao thuộc phạm vi quản lý của tỉnh (các đội tuyển cấp tỉnh); các sở, ngành, cấp xã (đội tuyển phường, xã) tham gia tập trung tập huấn, thi đấu, bao gồm:

1. Tiền lương tập trung tập huấn, thi đấu.
2. Chế độ dinh dưỡng tập trung tập huấn, thi đấu.
3. Chế độ thực phẩm chức năng trong thời gian tập trung tập huấn và thi đấu đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao của tỉnh.
4. Chế độ bồi dưỡng đối với huấn luyện viên, vận động viên năng khiếu cơ sở, vệ tinh thể thao tại các xã, phường.
5. Chế độ chính sách đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao tỉnh Gia Lai đạt thành tích xuất sắc tại các giải thể thao trong nước và quốc tế.
6. Chế độ đặc thù đối với huấn luyện viên, vận động viên nữ.
7. Chế độ chăm sóc sức khỏe, chữa trị chấn thương.
8. Chế độ tiền thưởng đối với huấn luyện viên, vận động viên tại các giải thể thao cấp quốc gia (vô địch, cúp, đội mạnh, câu lạc bộ, nhóm vận động viên xuất sắc)
9. Mức tiền thưởng đối với huấn luyện viên, vận động viên đạt thành tích thi đấu tại các kỳ đại hội, giải thể thao cấp tỉnh.
10. Chế độ tiền thưởng dành cho huấn luyện viên, vận động viên thể thao tại các giải thể thao cấp quốc tế.
11. Chính sách đào tạo văn hóa, học nghề, giải quyết việc làm.

12. Chế độ bảo hiểm.

13. Chế độ tiền ngủ đối với huấn luyện viên, vận động viên trong thời gian tập trung thi đấu theo quyết định triệu tập của cơ quan có thẩm quyền.

Đối tượng áp dụng

1. Thành viên đội thể thao gồm:

a) Huấn luyện viên, vận động viên đội tuyển tỉnh, đội tuyển trẻ, đội tuyển năng khiếu thuộc phạm vi quản lý của tỉnh (các đội tuyển thể thao cấp tỉnh) đang hưởng lương từ ngân sách nhà nước;

b) Huấn luyện viên, vận động viên đội tuyển tỉnh, đội tuyển trẻ, đội tuyển năng khiếu thuộc phạm vi quản lý của tỉnh (các đội tuyển thể thao cấp tỉnh) không hưởng lương từ ngân sách nhà nước;

c) Huấn luyện viên, vận động viên đội tuyển các sở, ngành thuộc phạm vi quản lý của tỉnh hưởng lương hoặc không hưởng lương từ ngân sách nhà nước;

d) Huấn luyện viên, vận động viên đội tuyển thể thao Người khuyết tật thuộc phạm vi quản lý của tỉnh (các đội tuyển thể thao cấp tỉnh); cấp xã (đội tuyển xã, phường) đang hưởng lương từ ngân sách nhà nước;

e) Huấn luyện viên, vận động viên đội tuyển thể thao Người khuyết tật thuộc phạm vi quản lý của tỉnh (các đội tuyển thể thao cấp tỉnh); cấp xã (đội tuyển xã, phường) không hưởng lương từ ngân sách nhà nước;

g) Nhân viên y tế (bác sỹ, kỹ thuật y) các đội tuyển thể thao cấp tỉnh, đội tuyển cấp xã hưởng lương hoặc không hưởng lương từ ngân sách nhà nước.

2. Cơ quan, tổ chức trực tiếp sử dụng huấn luyện viên, vận động viên, nhân viên y tế làm việc hoặc luyện tập, thi đấu thường xuyên trước khi được triệu tập tập huấn, thi đấu (sau đây gọi là cơ quan quản lý).

3. Cơ quan, tổ chức trực tiếp sử dụng huấn luyện viên, vận động viên, nhân viên y tế sau khi được triệu tập tập huấn, thi đấu (sau đây gọi là cơ quan sử dụng).

Cơ quan quản lý có thể đồng thời là cơ quan sử dụng.

4. Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc thực hiện các quy định tại Nghị quyết này.

2. Bộ cục của dự thảo văn bản

Dự thảo Nghị quyết: gồm có 03 Điều, từ Điều 1 đến Điều 3 quy định về nội dung ban hành, đối tượng áp dụng và tổ chức thực hiện.

Dự thảo Quy định kèm theo Nghị quyết: gồm có 05 chương, 19 Điều.

3. Nội dung cơ bản

3.1 Nội dung cơ bản của Dự thảo Nghị quyết

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định về chế độ, chính sách đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao tỉnh Gia Lai tham gia tập trung tập huấn và thi đấu.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Các Nghị quyết: Nghị quyết số 36/2021/NQ-HĐND ngày 11/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao thành tích cao trên địa bàn tỉnh; Nghị quyết số 20/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số chính sách đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao tỉnh đạt thành tích xuất sắc tại các giải thể thao trong nước và quốc tế; Nghị quyết số 19/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định chế độ dinh dưỡng, tiền công huấn luyện, tập luyện thường xuyên và chế độ tiền thưởng đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao tỉnh hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

3.2 Nội dung cơ bản của Dự thảo Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết

Chương I: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Điều 4. Nguồn kinh phí thực hiện

Chương II: CHÍNH SÁCH TIỀN LƯƠNG, CHẾ ĐỘ DINH DƯỠNG

Điều 5. Tiền lương tập trung tập huấn, thi đấu

Điều 6. Chế độ dinh dưỡng trong tập trung tập huấn, thi đấu

Điều 7. Chế độ thực phẩm chức năng trong thời gian tập trung tập huấn và thi đấu đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao thành tích cao của tỉnh

Điều 8. Chế độ bồi dưỡng đối với huấn luyện viên, vận động viên năng khiếu cơ sở (vận động viên không tập trung), vận động viên thể thao tại các xã, phường

Chương III: CHẾ ĐỘ ĐÀO TẠO ĐẶC THÙ VÀ CHĂM SÓC SỨC KHỎE

Điều 9. Chế độ trợ cấp trách nhiệm thường xuyên

Điều 10. Chế độ chính sách đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao tỉnh đạt thành tích xuất sắc tại các giải thể thao trong nước và quốc tế

Điều 11. Chế độ đặc thù đối với vận động viên nữ, huấn luyện viên nữ

Điều 12. Chăm sóc sức khỏe, chữa trị chấn thương

Chương IV: CHẾ ĐỘ TIỀN THƯỞNG ĐỐI VỚI HUẤN LUYỆN VIÊN, VẬN ĐỘNG VIÊN ĐẠT THÀNH TÍCH THI ĐẤU

Điều 13. Chế độ tiền thưởng đối với huấn luyện viên, vận động viên tại các giải thể thao cấp quốc gia (vô địch, cúp, đội mạnh, câu lạc bộ, nhóm vận động viên xuất sắc)

Điều 14. Mức tiền thưởng đối với huấn luyện viên, vận động viên đạt thành tích thi đấu tại các kỳ đại hội, giải thể thao cấp tỉnh

Điều 15. Chế độ tiền thưởng dành cho huấn luyện viên, vận động viên thể thao tại các giải thể thao cấp quốc tế

Chương V: ĐÀO TẠO VĂN HÓA, GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM, BẢO HIỂM VÀ CÁC CHÍNH SÁCH KHÁC

Điều 16. Chính sách đào tạo văn hóa, giải quyết việc làm

Điều 17. Chế độ bảo hiểm

Điều 18. Chế độ tiền ngủ đối với đối với huấn luyện viên, vận động viên trong thời gian tập trung thi đấu theo quyết định triệu tập của cơ quan có thẩm quyền

Điều 19. Tổ chức thực hiện

V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH VĂN BẢN VÀ THỜI GIAN TRÌNH THÔNG QUA

1. Dự kiến nguồn lực: Từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp hiện hành, được bố trí trong dự toán ngân sách hàng năm và các nguồn kinh phí tài trợ hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

1.1. Nguồn tài chính

- Ngân sách tỉnh: Đảm bảo chi trả cho các chế độ của các Đội tuyển tỉnh, Đội tuyển trẻ, Đội tuyển năng khiếu, Đội tuyển Người khuyết tật thuộc sự quản lý của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Ngân sách cấp xã (phường, xã): Đảm bảo chi trả chế độ tiền lương, dinh dưỡng và tiền thưởng cho đội tuyển cấp xã và các giải thể thao do cấp xã tổ chức.

- Nguồn xã hội hóa: Khuyến khích huy động từ các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp để bổ sung thêm vào quỹ thưởng và hỗ trợ tập huấn.

1.2. Dự báo khả năng cân đối ngân sách: Dự kiến tổng kinh phí chi thường xuyên cho lĩnh vực thể thao sẽ tăng so với giai đoạn trước do áp dụng mức lương cơ sở mới và các chế độ đặc thù. Cụ thể các khoản tăng chính bao gồm:

- Chi thường xuyên (Cố định): Tăng do điều chỉnh mức tiền lương, tiền ăn, chế độ đặc thù cho nữ....

- Chi khen thưởng và ưu đãi tài năng (Biến đổi): Tăng mạnh vào các năm có Đại hội Thể thao toàn quốc hoặc Asiad do mức thưởng đột phá.

- Đánh giá: Tuy mức chi tăng, nhưng đối tượng thụ hưởng là lực lượng tinh hoa (số lượng có hạn, được rà soát kỹ lưỡng). Với quy mô ngân sách của tỉnh Gia Lai, khoản chi này được đánh giá là nằm trong khả năng cân đối, đảm bảo đúng quy định tại Điều 20 Nghị định 349/2025/NĐ-CP.

2. Điều kiện bảo đảm cho việc thi hành văn bản: Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

3. Thời gian trình thông qua: Dự kiến trình Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa thông qua tại kỳ họp chuyên đề năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Nghị quyết quy định về chế độ, chính sách đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao tỉnh Gia Lai, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

(Xin gửi kèm theo: Dự thảo Nghị quyết kèm Quy định về chế độ, chính sách đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao tỉnh Gia Lai, Báo cáo đánh giá tác động chính sách)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở: VH-TT-L, TC, TP;
- CVP, PVPQT.
- Lưu: VT, C5, V5.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Thanh Lịch

Số: /2026/NQ-HĐND

Gia Lai, ngày 24 tháng 4 năm 2026

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

**Quy định về chế độ, chính sách đối với huấn luyện viên,
vận động viên thể thao tỉnh Gia Lai**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15
được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 được sửa đổi, bổ sung
bởi Luật số 26/2018/QH14;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

*Căn cứ Nghị định số 349/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chế độ,
chính sách đối với thành viên đội thể thao tham gia tập trung tập huấn, thi đấu;*

*Xét Tờ trình số 417/TTr-UBND ngày 12 tháng 4 năm 2026 của Ủy ban
nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết ban hành Quy định về chế độ, chính sách
đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao tỉnh Gia Lai; Báo cáo thẩm tra
số 27/BC-VHXX ngày 22 tháng 4 năm 2026 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng
nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;*

*Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định về chế độ, chính
sách đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao tỉnh Gia Lai.*

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định về chế độ, chính
sách đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao tỉnh Gia Lai.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

- Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3.

- Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 04 tháng 5 năm 2026.
- Các Nghị quyết sau đây do Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định (trước sắp xếp) ban hành hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành, gồm:
 - Nghị quyết số 36/2021/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao thành tích cao trên địa bàn tỉnh Bình Định;

b) Nghị quyết số 19/2023/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định chế độ dinh dưỡng, tiền công huấn luyện, tập luyện thường xuyên và chế độ tiền thưởng đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao tỉnh Bình Định;

c) Nghị quyết số 20/2023/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số chính sách đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao tỉnh Bình Định đạt thành tích xuất sắc tại các giải thể thao trong nước và quốc tế;

d) Nghị quyết số 36/2023/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định mức chi tiền thưởng trong các hoạt động văn nghệ, thể thao quần chúng trên địa bàn tỉnh Bình Định.

3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn trong Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo quy định của các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai khóa XIII Kỳ họp thứ 2 (chuyên đề) thông qua ngày 24 tháng 4 năm 2026./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính; Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật (Bộ Tư pháp);
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Ban Thường vụ Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy;
- Các Ban HĐND tỉnh, đại biểu HĐND tỉnh;
- Các VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TT. HĐND, UBND, UBMTTQVN các xã, phường;
- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh;
- Báo và Phát thanh truyền hình Gia Lai;
- Trang thông tin điện tử Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, HSKH.

CHỦ TỊCH

Rah Lan Chung

Dự thảo

QUY ĐỊNH

Chế độ, chính sách đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao tỉnh Gia Lai
(Kèm theo Nghị quyết số /2026/NQ-HĐND ngày 24 tháng 4 năm 2026
của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về chế độ, chính sách đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao thuộc đội tuyển tỉnh, đội tuyển trẻ tỉnh, đội tuyển năng khiếu tỉnh; đội tuyển người khuyết tật tỉnh; đội tuyển các sở, ngành; đội tuyển cấp xã (đội tuyển phường, xã) tham gia tập trung tập huấn, thi đấu, bao gồm:

- Tiền lương tập trung tập huấn, thi đấu.
- Chế độ dinh dưỡng tập trung tập huấn, thi đấu.
- Chế độ thực phẩm chức năng trong thời gian tập trung thi đấu đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao của tỉnh.
- Chế độ bồi dưỡng đối với huấn luyện viên, vận động viên năng khiếu cơ sở, vệ tinh thể thao tại các xã, phường.
- Chế độ trợ cấp trách nhiệm thường xuyên.
- Chế độ chính sách đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao của tỉnh đạt thành tích xuất sắc tại các giải thể thao trong nước và quốc tế.
- Chế độ tiền thưởng đối với huấn luyện viên, vận động viên đạt thành tích tại các giải thể thao cấp quốc gia.
- Chế độ tiền thưởng đối với vận động viên đạt thành tích tại các kỳ đại hội, giải thể thao cấp tỉnh.
- Chế độ tiền thưởng đối với huấn luyện viên, vận động viên đạt thành tích tại các giải thể thao cấp quốc tế.
- Chế độ tiền ngủ đối với huấn luyện viên, vận động viên trong thời gian tập huấn, thi đấu trong nước theo quyết định triệu tập của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Thành viên đội thể thao gồm:
 - Huấn luyện viên, vận động viên đội tuyển tỉnh, đội tuyển trẻ tỉnh, đội tuyển năng khiếu tỉnh đang hưởng lương từ ngân sách nhà nước.

b) Huấn luyện viên, vận động viên đội tuyển tỉnh, đội tuyển trẻ tỉnh, đội tuyển năng khiếu tỉnh không hưởng lương từ ngân sách nhà nước.

c) Huấn luyện viên, vận động viên đội tuyển người khuyết tật tỉnh tham gia các giải thể thao thể thao trong nước và quốc tế dành cho người khuyết tật.

d) Huấn luyện viên, vận động viên đội tuyển các sở, ngành được cơ quan có thẩm quyền của tỉnh quyết định triệu tập và cử đi tham gia thi đấu các giải thể thao, Ngày hội thể thao, Hội thi thể thao toàn quốc.

e) Huấn luyện viên, vận động viên các đội tuyển cấp xã (đội tuyển xã, phường) tham gia thi đấu các giải thể thao cấp tỉnh.

g) Nhân viên y tế (bác sỹ, kỹ thuật y) đội tuyển tỉnh, đội tuyển trẻ tỉnh, đội tuyển năng khiếu tỉnh, đội tuyển người khuyết tật tỉnh hưởng lương hoặc không hưởng lương từ ngân sách nhà nước.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc thực hiện các quy định tại Quy định này.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Tập trung tập huấn, thi đấu là quá trình huấn luyện, tập luyện, thi đấu có hệ thống để nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ thuật, thể lực, chiến thuật và tâm lý thi đấu cho vận động viên.

2. Vận động viên năng khiếu cơ sở: Là các vận động viên tuổi thiếu niên, nhi đồng có năng khiếu thể thao, được tập luyện không tập trung tại các cơ sở thể thao xã, phường để phát triển năng khiếu thể thao, làm nguồn tuyển chọn vận động viên cho các đội tuyển thể thao của tỉnh.

3. Vệ tinh thể thao cơ sở: Là người có chuyên môn về thể thao tại các xã, phường tham gia phối hợp với đơn vị quản lý thể thao để hướng dẫn phát triển phong trào tập luyện thể thao, phát hiện tài năng giới thiệu làm nguồn tuyển chọn cho hệ thống đào tạo cho các đội tuyển thể thao.

Điều 4. Nguồn kinh phí thực hiện

Nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp hiện hành, được bố trí trong dự toán ngân sách hàng năm và các nguồn kinh phí tài trợ hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Chương II

CHÍNH SÁCH TIỀN LƯƠNG, CHẾ ĐỘ DINH DƯỠNG

Điều 5. Tiền lương tập trung tập huấn, thi đấu

1. Đối tượng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2 Quy định này trong thời gian tập trung tập huấn, thi đấu theo quyết định của cấp có thẩm quyền được hưởng tiền lương theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 349/2025/NĐ-CP

của Chính phủ quy định chế độ, chính sách đối với thành viên đội thể thao tham gia tập trung tập huấn, thi đấu.

2. Đối tượng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 2 Quy định này trong thời gian tập trung tập huấn, thi đấu theo quyết định của cấp có thẩm quyền được hưởng tiền lương theo ngày thực tế tập trung tập huấn, thi đấu theo quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 4 Nghị định số 349/2025/NĐ-CP, cụ thể như sau:

Đơn vị tính: đồng/người/ngày

STT	Đối tượng	Mức chi
1	Huấn luyện viên đội tuyển tỉnh	430.000
2	Huấn luyện viên đội tuyển trẻ tỉnh	360.000
3	Huấn luyện viên đội tuyển năng khiếu tỉnh	360.000
4	Vận động viên đội tuyển tỉnh	360.000
5	Vận động viên đội tuyển trẻ tỉnh	150.000
6	Vận động viên đội tuyển năng khiếu tỉnh	110.000

3. Đối tượng quy định tại điểm c, d khoản 1 Điều 2 Quy định này trong thời gian tập trung tập huấn, thi đấu theo quyết định của cấp có thẩm quyền được hưởng tiền lương theo ngày thực tế tập trung tập huấn, thi đấu, cụ thể như sau:

Đơn vị tính: đồng/người/ngày

STT	Đối tượng	Mức chi
1	Huấn luyện viên, vận động viên đội tuyển người khuyết tật tỉnh	360.000
2	Huấn luyện viên, vận động viên đội tuyển các sở, ngành	110.000

4. Đối tượng quy định tại điểm e khoản 1 Điều 2 Quy định này: tùy theo khả năng cân đối ngân sách của địa phương, Hội đồng nhân dân cấp xã quy định tiền lương của huấn luyện viên, vận động viên đội tuyển cấp xã trong thời gian tập trung tập huấn, thi đấu cho phù hợp nhưng không vượt quá mức chi tiền lương của huấn luyện viên, vận động viên đội tuyển các sở, ngành quy định tại khoản 3 Điều này.

5. Đối tượng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 2 Quy định này trong thời gian tập trung tập huấn, thi đấu theo quyết định của cấp có thẩm quyền, thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 4 Nghị định số 349/2025/NĐ-CP.

6. Các đối tượng quy định tại khoản 1, 2, 3, 4, 5 Điều này được hưởng tiền lương làm thêm giờ cho những ngày thực tế tập trung tập huấn, thi đấu vượt quá 26 ngày trong tháng. Khoản tiền lương làm thêm giờ được xác định bằng mức

tiền trả theo ngày quy định tại các khoản 2, 3, 4, 5 Điều này nhân với mức tương ứng quy định tại khoản 1 Điều 98 Bộ luật Lao động số 45/2019/QH14.

Điều 6. Chế độ dinh dưỡng trong tập trung tập huấn, thi đấu

1. Chế độ dinh dưỡng đối với huấn luyện viên, vận động viên trong thời gian tập trung tập huấn theo quyết định của cấp có thẩm quyền:

a) Đối tượng quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 2 Quy định này trong thời gian tập trung tập huấn trong nước được hưởng chế độ dinh dưỡng theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 349/2025/NĐ-CP, cụ thể như sau:

Đơn vị tính: đồng/người/ngày

STT	Đối tượng	Mức chi
1	Huấn luyện viên, vận động viên đội tuyển tỉnh	300.000
2	Huấn luyện viên, vận động viên đội tuyển trẻ tỉnh	250.000
3	Huấn luyện viên, vận động viên đội tuyển năng khiếu tỉnh	190.000

b) Đối tượng quy định tại điểm c, d khoản 1 Điều 2 Quy định này trong thời gian tập trung tập huấn trong nước được hưởng chế độ dinh dưỡng cụ thể như sau:

Đơn vị tính: đồng/người/ngày

STT	Đối tượng	Mức chi
1	Huấn luyện viên, vận động viên đội tuyển người khuyết tật tỉnh	250.000
2	Huấn luyện viên, vận động viên đội tuyển các sở, ngành	190.000

c) Tập huấn ở nước ngoài: huấn luyện viên, vận động viên khi tập trung tập huấn ở nước ngoài được hưởng chế độ bữa ăn hàng ngày theo thư mời hoặc hợp đồng ký kết giữa cơ quan quản lý vận động viên ở trong nước với cơ sở đào tạo ở nước ngoài. Trong thời gian tập huấn ở nước ngoài, huấn luyện viên, vận động viên không được hưởng chế độ quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều này.

2. Chế độ dinh dưỡng đối với huấn luyện viên, vận động viên trong thời gian tập trung thi đấu theo quyết định của cấp có thẩm quyền:

a) Đối tượng quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 2 Quy định này trong thời gian tập trung thi đấu trong nước được hưởng chế độ dinh dưỡng theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Nghị định số 349/2025/NĐ-CP cụ thể như sau:

Đơn vị tính: đồng/người/ngày

STT	Đối tượng	Mức chi
1	Huấn luyện viên, vận động viên đội tuyển tỉnh	400.000

STT	Đối tượng	Mức chi
2	Huấn luyện viên, vận động viên đội tuyển trẻ tỉnh	300.000
3	Huấn luyện viên, vận động viên đội tuyển năng khiếu tỉnh	300.000

b) Đối tượng quy định tại điểm c, d khoản 1 Điều 2 Quy định này trong thời gian tập trung thi đấu trong nước được hưởng chế độ cụ thể như sau:

Đơn vị tính: đồng/người/ngày

STT	Đối tượng	Mức chi
1	Huấn luyện viên, vận động viên đội tuyển người khuyết tật tỉnh	300.000
2	Huấn luyện viên, vận động viên đội tuyển các sở, ngành	300.000

3. Huấn luyện viên, vận động viên trong thời gian tập trung thi đấu tại giải thể thao quy định tại khoản 1 khoản 3 Điều 37; điểm a khoản 1, khoản 3 Điều 13 Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 26/2018/QH14, thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 5 Nghị định số 349/2025/NĐ-CP.

4. Trong thời gian tập huấn trong nước, trường hợp di chuyển đến các địa điểm khác địa điểm tập trung tập huấn để thực hiện nhiệm vụ, thành viên đội thể thao được hưởng chế độ theo quy định tại khoản 7 Điều 5 Nghị định số 349/2025/NĐ-CP.

5. Trong thời gian tập huấn, thi đấu ngắn hạn tại nước ngoài, thành viên đội thể thao được áp dụng hưởng các chế độ theo quy định tại khoản 8 Điều 5 Nghị định số 349/2025/NĐ-CP.

6. Đối tượng quy định tại điểm e khoản 1 Điều 2 Quy định này: tùy theo khả năng cân đối ngân sách của địa phương, Hội đồng nhân dân cấp xã quy định chế độ dinh dưỡng đối với huấn luyện viên, vận động viên đội tuyển cấp xã trong thời gian tập trung tập huấn và thi đấu cho phù hợp nhưng không vượt quá mức chi dinh dưỡng trong thời gian tập trung tập huấn và thi đấu của huấn luyện viên, vận động viên đội tuyển các sở, ngành quy định tại điểm b khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều này.

Điều 7. Chế độ thực phẩm chức năng trong thời gian tập trung thi đấu đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao của tỉnh

Bằng 10% mức chi chế độ dinh dưỡng trong thời gian tập trung thi đấu đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao của tỉnh quy định tại Điều 6 Quy định này.

Điều 8. Chế độ bồi dưỡng đối với huấn luyện viên, vận động viên năng khiếu cơ sở, vệ tinh thể thao tại các xã, phường

1. Huấn luyện viên, vận động viên năng khiếu cơ sở, vệ tinh thể thao tại các xã, phường được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt thuộc các lớp năng khiếu, câu lạc bộ, vệ tinh thể thao do ngành văn hóa, thể thao quản lý, tham gia tập luyện thường xuyên theo kế hoạch (không thuộc các đội tuyển đã hưởng các chế độ khác tại Quy định này): được hỗ trợ chế độ bồi dưỡng không vượt quá 01 lần mức lương cơ sở/tháng/người.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh quy định mức hỗ trợ cụ thể phù hợp với khả năng ngân sách từng thời kỳ.

Chương III

CHẾ ĐỘ ĐÀO NGỘ ĐẶC THÙ

Điều 9. Chế độ trợ cấp trách nhiệm thường xuyên

1. Đối tượng áp dụng: huấn luyện viên, vận động viên đội tuyển tỉnh, đội tuyển trẻ tỉnh, đội tuyển năng khiếu tỉnh, đội tuyển người khuyết tật tỉnh được triệu tập để tập huấn tại các đội tuyển quốc gia theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

2. Thời gian hưởng chế độ: theo thời gian tập huấn thực tế.

3. Mức chi: ngoài chế độ tại các đội tuyển quốc gia, đội tuyển trẻ quốc gia theo quyết định triệu tập của cơ quan có thẩm quyền theo quy định hiện hành, huấn luyện viên, vận động viên được hỗ trợ như sau:

Đơn vị tính: đồng/người/ngày

STT	Đối tượng	Mức hỗ trợ
1	Huấn luyện viên, vận động viên tập trung tập huấn đội tuyển quốc gia	200.000
2	Huấn luyện viên, vận động viên tập trung tập huấn đội tuyển trẻ quốc gia	150.000

Điều 10. Chế độ chính sách đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao của tỉnh đạt thành tích xuất sắc tại các giải thể thao trong nước và quốc tế

1. Chế độ trợ cấp đẳng cấp

a) Đối tượng áp dụng: vận động viên thể thao được phong đẳng cấp theo quyết định của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền.

b) Thời gian hưởng chế độ: 12 tháng, tính từ tháng 01 đến hết tháng 12 năm liền kề của năm mà vận động viên được phong đẳng cấp. Trường hợp vận động viên được phong nhiều đẳng cấp trong năm thì chỉ xét chế độ trợ cấp cho đẳng cấp cao nhất trong năm đó.

c) Mức chi: Vận động viên khi đạt đẳng cấp trong hệ thống thi đấu các giải thể thao được hưởng chính sách trợ cấp đẳng cấp, cụ thể như sau:

Đơn vị tính: đồng/người/tháng

STT	Đối tượng	Mức chi
1	Vận động viên Kien tướng	2.000.000
2	Vận động viên Cấp 1	1.000.000
3	Vận động viên Cấp 2	500.000

2. Chế độ hỗ trợ đãi ngộ hàng tháng đối với huấn luyện viên, vận động viên đạt thành tích xuất sắc

a) Đối tượng áp dụng:

Huấn luyện viên, vận động viên quy định tại Điều 2 Quy định này sau khi lập thành tích xuất sắc tại Đại hội Thể thao, giải thể thao trong hệ thống thi đấu quốc gia, khu vực, châu lục, thế giới, căn cứ theo danh sách phân nhóm môn (nhóm I, nhóm II, nhóm III) do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành và thời điểm huấn luyện viên, vận động viên đạt thành tích, mức hỗ trợ như sau:

STT	Tên Giải	Thành tích/mức/tháng (triệu đồng/người/tháng)			Thời gian hỗ trợ (tháng)
		HCV	HCB	HCD	
1	Đại hội Olympic trẻ (Olympic trẻ)	8	6	4	48
2	Đại hội Thể thao Châu Á (Asiad)	8	6	4	48
3	Đại hội Thể thao Đông Nam Á (SEA Games)	6	4	2	24
4	Đại hội Thể thao toàn quốc	2	1,5	1	48
5	Giải Vô địch Thế giới từng môn				
5.1	Nhóm I	14	9	6	12
5.2	Nhóm II	6	3	2,5	12
5.3	Nhóm III	4	2	1,5	12
6	Giải Vô địch Châu Á từng môn				
6.1	Nhóm I	6	3	2,5	12
6.2	Nhóm II	4	2	1,5	12
6.3	Nhóm III	3	2	1	12
7	Giải Vô địch Đông Nam Á từng môn				
7.1	Nhóm I	4	2	1	12
7.2	Nhóm II	3	2	1	12
7.3	Nhóm III	1,5	1	0,8	12
8	Giải Vô địch quốc gia	1	0,8	0,6	12
9	Đại hội thể thao quy mô thế giới khác (World Games, Đại hội Thể thao dưới nước thế giới)	8	6	4	24

STT	Tên Giải	Thành tích/mức/tháng (triệu đồng/người/tháng)			Thời gian hỗ trợ (tháng)
		HCV	HCB	HCD	
10	Đại hội thể thao quy mô châu Á khác (Đại hội thể thao trong nhà và Võ thuật châu Á, Đại hội thể thao bãi biển châu Á).	6	4	2	24
	Huấn luyện viên, vận động viên tham dự các giải quốc tế phải có quyết định cử tham dự hoặc văn bản ủy quyền tham dự của Cục Thể dục thể thao Việt Nam, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.				

b) Huấn luyện viên trực tiếp huấn luyện đội tuyển là huấn luyện viên có tên trong quyết định cử tham dự Giải, tham gia chỉ đạo trực tiếp vận động viên lập thành tích tại giải.

c) Huấn luyện viên, vận động viên lập nhiều thành tích thì chỉ được hưởng một mức đãi ngộ cao nhất theo quy định tại khoản này. Thành tích của năm trước được bắt đầu tính hưởng từ tháng 01 năm sau. Trong thời gian hưởng chế độ đãi ngộ, nếu huấn luyện viên, vận động viên đạt thêm nhiều thành tích mới thì sẽ được xét duyệt hưởng chế độ đãi ngộ với thành tích cao nhất. Trường hợp khi huấn luyện viên, vận động viên hết thời gian hưởng chế độ đãi ngộ cao nhất nếu còn thời gian được hưởng chế độ đãi ngộ cho việc đạt thành tích tại các giải khác, thì huấn luyện viên, vận động viên tiếp tục được hưởng chế độ đối với giải khác theo nguyên tắc chọn thành tích cao nhất.

d) Mức đãi ngộ đối với huấn luyện viên, vận động viên sau khi lập thành tích xuất sắc tại Đại hội Thể thao, giải thể thao trong hệ thống thi đấu quốc gia, khu vực, châu lục, thế giới theo khoản này chỉ áp dụng cho huấn luyện viên, vận động viên thi đấu nội dung cá nhân.

e) Đối với thi đấu nội dung từ 02 người trở lên, môn thi đấu tập thể thì mỗi huấn luyện viên, vận động viên được hưởng 50% mức hưởng của nội dung cá nhân. Số lượng vận động viên được tính theo quy định điều lệ giải và quyết định của cấp có thẩm quyền cử tham gia thi đấu.

g) Huấn luyện viên, vận động viên lập thành tích tại các giải cúp thế giới, cúp châu Á, cúp Đông Nam Á, giải thi đấu thể thao vô địch trẻ thế giới, các đại hội, giải thi đấu thể thao vô địch trẻ châu Á, Đông Nam Á: mức hưởng bằng 50% mức hưởng tương ứng quy định tại khoản này.

h) Huấn luyện viên, vận động viên lập thành tích tại các giải thể thao vô địch trẻ thế giới, châu Á, Đông Nam Á có quy định lứa tuổi được hưởng chế độ hỗ trợ đãi ngộ hàng tháng như sau:

- Giải thi đấu thể thao dành cho vận động viên đến dưới 12 tuổi: mức hưởng bằng 20% mức hưởng tương ứng quy định tại khoản này.

- Giải thi đấu thể thao dành cho vận động viên từ 12 tuổi đến dưới 16 tuổi: mức hưởng bằng 30% mức hưởng tương ứng quy định tại khoản này.

- Giải thi đấu thể thao dành cho vận động viên từ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi: mức hưởng bằng 40% mức hưởng tương ứng quy định tại khoản này.

- Giải thi đấu thể thao dành cho vận động viên từ 18 tuổi đến dưới 21 tuổi: mức hưởng bằng 50% mức hưởng tương ứng quy định tại khoản này.

3. Trong thời gian hưởng chế độ quy định tại Điều này, trường hợp huấn luyện viên, vận động viên tham gia huấn luyện, tập luyện và thi đấu cho đơn vị khác thì sẽ không được hưởng chế độ trợ cấp đẳng cấp và chế độ hỗ trợ đãi ngộ hàng tháng ngay tại thời điểm huấn luyện viên, vận động viên ký hợp đồng đào tạo hoặc thi đấu cho đơn vị khác.

4. Đối với huấn luyện viên, vận động viên đạt thành tích tại các kỳ Đại hội thể thao, Giải thể thao dành cho người khuyết tật: mức chi chế độ hỗ trợ đãi ngộ hàng tháng đối với huấn luyện viên, vận động viên đạt thành tích xuất sắc tương ứng quy định tại khoản 2 Điều này.

5. Huấn luyện viên, vận động viên không còn phục vụ cho ngành thể thao tỉnh sẽ thôi hưởng chính sách chế độ trợ cấp đẳng cấp và chế độ hỗ trợ đãi ngộ hàng tháng theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này, trừ các trường hợp sau đây:

- Vận động viên sau khi đạt thành tích vẫn còn phục vụ cho ngành thể dục thể thao tỉnh.

- Vận động viên nghỉ thi đấu do chấn thương khi thực hiện nhiệm vụ có xác nhận của cơ quan y tế có thẩm quyền.

- Vận động viên hoàn thành nhiệm vụ (kết thúc sự nghiệp thi đấu).

Chương IV

CHẾ ĐỘ TIỀN THƯỞNG ĐỐI VỚI HUẤN LUYỆN VIÊN, VẬN ĐỘNG VIÊN ĐẠT THÀNH TÍCH THI ĐẤU

Điều 11. Chế độ tiền thưởng đối với huấn luyện viên, vận động viên đạt thành tích tại các giải thể thao cấp quốc gia

1. Đối với thi đấu cá nhân:

a) Thưởng đối với vận động viên đạt thành tích tại các kỳ Đại hội Thể thao toàn quốc, các giải Vô địch quốc gia hàng năm.

Đơn vị tính: đồng

Thành tích	Mức thưởng			
	Đại hội Thể thao toàn quốc		Giải Vô địch quốc gia hàng năm	
	Mức thưởng	Phá kỷ lục được thưởng thêm	Mức thưởng	Phá kỷ lục được thưởng thêm

Huy chương vàng	30.000.000	15.000.000	15.000.000	7.500.000
Huy chương bạc	20.000.000	10.000.000	10.000.000	5.000.000
Huy chương đồng	10.000.000	5.000.000	5.000.000	2.500.000

b) Trường hợp vận động viên phá kỷ lục nhưng không đạt huy chương thì được hưởng 80% mức thưởng phá kỷ lục của Huy chương đồng quy định tại điểm a khoản này.

c) Thưởng đối với vận động viên đạt thành tích tại các giải cúp vô địch quốc gia, giải đội mạnh, giải các câu lạc bộ, giải nhóm vận động viên xuất sắc quốc gia, giải vô địch trẻ quốc gia: mức thưởng bằng 50% mức thưởng tại các giải vô địch quốc gia hàng năm.

d) Thưởng đối với vận động viên đạt thành tích tại các giải trẻ quốc gia và các giải thể thao cấp quốc gia khác: mức thưởng bằng 40% thưởng tại các giải vô địch quốc gia.

e) Thưởng đối với vận động viên đạt thành tích tại các giải phong trào và khu vực (trong nước): mức thưởng bằng 30% mức thưởng tại các giải vô địch quốc gia.

2. Tiền thưởng đối với nội dung thi đấu đôi và những môn thể thao tập thể

Đối với nội dung thi đấu đôi và các môn thể thao tập thể, mức thưởng chung bằng số lượng vận động viên tham gia môn thể thao tập thể nhân với mức thưởng cá nhân tương ứng đối với từng giải thể thao tại khoản 1 Điều này.

3. Tiền thưởng đối với những môn thể thao đồng đội

Đối với các môn thể thao có nội dung thi đấu đồng đội (các môn thi đấu mà thành tích thi đấu của từng cá nhân và đồng đội được xác định trong cùng một lần thi), số lượng vận động viên được hưởng khi lập thành tích theo quy định của Điều lệ Giải. Mức thưởng chung bằng số lượng vận động viên nhân với 50% mức thưởng cá nhân tương ứng đối với từng giải thể thao tại khoản 1 Điều này.

4. Thưởng đối với huấn luyện viên

a) Đối với thi đấu cá nhân: huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên lập thành tích trong các cuộc thi đấu thì mức thưởng chung được tính bằng mức thưởng đối với vận động viên. Tỷ lệ phân chia tiền thưởng được thực hiện theo nguyên tắc: huấn luyện viên trực tiếp huấn luyện đội tuyển được 60%, huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên cơ sở trước khi tham gia đội tuyển được 40%.

b) Đối với thi đấu tập thể: các huấn luyện viên trực tiếp đào tạo đội tuyển thi đấu lập thành tích thì được thưởng mức thưởng chung bằng số lượng huấn luyện viên theo quy định nhân với mức thưởng tương ứng đối với vận động viên đạt giải. Số lượng huấn luyện viên của các đội được xét thưởng được quy định theo mức sau:

Đối với các đội thuộc những môn có quy định dưới 04 vận động viên tham gia thi đấu: mức thưởng chung tính cho 01 huấn luyện viên. Đối với các đội thuộc những môn có quy định từ 04 đến 08 vận động viên tham gia thi đấu: mức thưởng

chung tính cho 02 huấn luyện viên. Đối với các đội thuộc những môn có quy định từ 09 đến 12 vận động viên: mức thưởng chung tính cho 03 huấn luyện viên. Đối với các đội thuộc những môn có quy định từ 13 vận động viên trở lên: mức thưởng chung tính cho 04 huấn luyện viên.

c) Đối với môn thể thao có nội dung thi đấu đồng đội: mức thưởng chung cho huấn luyện viên bằng số lượng huấn luyện viên quy định tại điểm b khoản này nhân với 50% mức thưởng tương ứng.

5. Đại hội, Hội thi thể thao, giải thể thao cấp quốc gia, khu vực dành cho người khuyết tật: mức chi tiền thưởng được áp dụng bằng mức thưởng tương ứng quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này.

Điều 12. Chế độ tiền thưởng đối với vận động viên đạt thành tích tại các kỳ đại hội, giải thể thao cấp tỉnh

1. Tiền thưởng đối với vận động viên đạt thành tích tại các kỳ đại hội, giải thể thao cấp tỉnh như sau:

Đơn vị tính: đồng

Thành tích	Mức thưởng		
	Đại hội Thể dục thể thao cấp tỉnh	Giải Vô địch cấp tỉnh	Giải Trẻ tỉnh/ Giải thể thao quần chúng cấp tỉnh
Huy Chương vàng	2.000.000	1.500.000	1.200.000
Huy Chương bạc	1.500.000	1.200.000	1.000.000
Huy Chương đồng	1.200.000	1.000.000	800.000
Giải Nhất toàn đoàn	5.000.000		
Giải Nhì toàn đoàn	4.000.000		
Giải Ba toàn đoàn	3.000.000		

2. Tiền thưởng đối với nội dung thi đấu đôi và những môn thể thao tập thể

Đối với nội dung thi đấu đôi và các môn thể thao tập thể, mức thưởng chung bằng số lượng vận động viên tham gia môn thể thao tập thể nhân với mức thưởng cá nhân tương ứng đối với từng giải thể thao tại khoản 1 Điều này.

3. Tiền thưởng đối với những môn thể thao đồng đội

Đối với các môn thể thao có nội dung thi đấu đồng đội (các môn thi đấu mà thành tích thi đấu của từng cá nhân và đồng đội được xác định trong cùng một lần thi), số lượng vận động viên được hưởng khi lập thành tích theo quy định của Điều lệ Giải. Mức thưởng chung bằng số lượng vận động viên nhân với 50% mức thưởng cá nhân tương ứng đối với từng giải thể thao tại khoản 1 Điều này.

4. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều này, tùy theo khả năng cân đối ngân sách của địa phương, Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định mức chi tiền thưởng

đối với các giải thi đấu thể thao do cấp xã tổ chức hàng năm phù hợp nhưng không quá 50% mức quy định tương ứng tại khoản 1 Điều này.

Điều 13. Chế độ tiền thưởng đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao đạt thành tích tại các giải thể thao cấp quốc tế

Huấn luyện viên, vận động viên đội tuyển tỉnh, đội tuyển trẻ tỉnh, đội tuyển năng khiếu tỉnh, đội tuyển người khuyết tật tỉnh tham gia thi đấu đạt thành tích tại các giải thi đấu khu vực Đông Nam Á, Châu Á, Thế giới thì được thưởng thêm bằng 30% mức thưởng theo quy định tại Điều 17, 18, 19 Nghị định số 349/2025/NĐ-CP.

Chương V

CÁC CHÍNH SÁCH KHÁC

Điều 14. Chế độ tiền ngủ đối với huấn luyện viên, vận động viên trong thời gian tập huấn, thi đấu trong nước theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền

Huấn luyện viên, vận động viên đội tuyển tỉnh, đội tuyển trẻ tỉnh, đội tuyển năng khiếu tỉnh, đội tuyển người khuyết tật tỉnh (không hưởng lương từ ngân sách nhà nước) khi được cử đi tập huấn, thi đấu trong nước theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền, được hưởng mức chi tiền ngủ thanh toán theo hình thức khoán theo quy định tại tiết c, khoản 2, Điều 7 Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 12/2025/TT-BTC).

Điều 15. Các chính sách khác

Những nội dung còn lại liên quan đến việc thực hiện chế độ chính sách đối với thành viên đội thể thao tham gia tập trung tập huấn, thi đấu bao gồm: chế độ đặc thù đối với vận động viên nữ, huấn luyện viên nữ; chăm sóc sức khỏe, chữa trị chấn thương; bảo đảm học tập văn hóa, ưu đãi về đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, ưu đãi về học nghề, giải quyết việc làm, tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, chế độ ốm đau, thai sản, chế độ tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, chế độ bảo hiểm khi tập huấn và thi đấu ở nước ngoài không quy định tại Quy định này thì thực hiện theo quy định tại Nghị định số 349/2025/NĐ-CP và các văn bản pháp luật khác có liên quan./.